Chuyển đổi mô hình tăng trưởng và định hướng tăng trưởng xanh ở Việt Nam

NGUYỄN VĂN PHƯỚC

Sau 25 năm đổi mới (1986-2011), Việt Nam đã có sự chuyển biến mạnh mẽ về kinh tế và xã hội. năm 2010 Việt Nam đã gia nhập nhóm các nước có thu nhập trung bình trên thế giới (với GDP/người hơn 1000 USD), cơ cấu kinh tế chuyển biến theo hướng hiện đại, tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2010 đã giảm mạnh, được thế giới đánh giá là hình mẫu trong công tác giảm đói nghèo, mạng lưới y tế cơ sở bước đầu được củng cố và nâng cấp, chỉ số phát triển con người (HDI) tiếp tục được cải thiện.Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn, thách thức trong giai đoạn hiện nay. Bài viết phân tích sự cần thiết phải chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam và đưa ra định hướng trong việc chuyển đổi tăng trưởng đó là tăng trưởng xanh.

1. Sự cần thiết phải chuyển đổi mô hình tăng trưởng và hướng đến tăng trưởng xanh

Thứ nhất, chất lượng tăng trưởng kinh tế thấp, do *(i) Năng suất của nền kinh tế thấp* vì ít có sự đóng góp của yếu tố công nghệ. Những thành tựu phát triển kinh tế của Việt Nam thời gian qua chủ yếu nhờ sự đóng góp của lao động trình độ thấp, vốn và tài nguyên. Trong quá trình phát triển kinh tế, các nguồn lực này được khai thác triệt để và có nguy cơ can kiệt dần. Nền kinh tế bắt đầu tăng trưởng giảm dần và những nỗ lực thúc đẩy tăng trưởng cao bắt đầu gây ra những mất cân đối. Thực tế cho thấy tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2001-2005 là 7,5% và giai đoạn 2006-2010 còn là 6,7%. *(ii) Hiệu quả đầu tư rất thấp*. Để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cao, trong điều kiện trình độ lao động yếu kém, công nghệ thấp, Việt Nam đã đổ rất nhiều vốn vào khai thác những nguồn lực có hạn của đất nước. Nghiên cứu của Bùi Trường Giang và Phạm Sỹ An (2011) cho thấy, đóng góp của yếu tố TFP đối với tăng trưởng kinh tế còn rất khiêm tốn, chủ yếu là đóng góp của nhân tố vốn.Vì thế, hệ số ICOR của Việt Nam rất cao. Trung bình giai đoạn 2001-2007 khoảng 5,2, năm 2008 tăng lên 6,66 năm 2009 chỉ số này đạt mức báo động khi tăng đến mức 8[1] Điều đáng chú ý là khu vực doanh nghiệp nhà nước được xác định là thành phần chủ đạo của nền kinh tế và nhận được nhiều ưu đãi của Chính phủ như tín dụng, đất đai, lãi suất và các cơ chế mềm khác, nhưng hệ số ICOR lại khá cao. Như vậy, hiệu quả đầu tư khu vực nhà nước rất thấp và ngày càng có xu hướng xấu hơn[2] (Nguyễn Xuân Trung, 2011). Chính vì hiệu quả đầu tư thấp nên đe

Nguyễn Văn Phước, ThS., Văn phòng Chính phủ.

[1] So với các nước trong khu vực chỉ số ICOR của Trung Quốc giai đoạn 2001-2006 là 3,9 và tốc độ tăng trưởng bình quân thời kỳ đó là 9,7%. Chỉ số ICOR của Hàn Quốc là 3 vào thời kỳ 1961-80 với tốc độ tăng trưởng bình quân là 7,9%. Thái Lan tăng trưởng 8,15 nhưng hệ số ICOR chỉ 4,1 trong giai đoạn 1981-95 (Viet, 2009).

[2] Riêng đối với doanh nghiệp FDI, kết quả kinh doanh của họ không được báo cáo chính xác do có rất nhiều doanh nghiệp này thực hiện việc chuyển giá làm méo các thống kê về hoạt động kinh doanh[2] và khiến cho hệ số ICOR của họ rất cao nhưng với doanh nghiệp nhà nước thì khác, hiệu quả đầu tư quá thấp là sự thật.

dọa ổn định kinh tế vĩ mô[3] *(iii) Thâm hụt ngân sách ngày một lớn.* Với áp lực tăng trưởng cao để thoát khỏi nước nghèo, Chính phủ Việt Nam đã liên tục thúc đẩy đầu tư công thông qua chi tiêu ngân sách và do đó làm thâm hụt ngân sách. Việc giải quyết nó đòi hỏi một chiến lược dài hạn nhằm tái cấu trúc nền kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đặc biệt là việc tái cấu trúc và chỉnh đốn lại khu vực doanh nghiệp nhà nước. *(iv) Cơ cấu kinh tế có chuyển biến nhưng còn chậm.* Có nghĩa là, tỷ trọng của khu vực công nghiệp và dịch vụ vẫn có chiều hướng tăng và tỷ trọng của khu vực nông nghiệp có chiều hướng giảm nhưng quá trình dịch chuyển là rất nhỏ. *(v) Nền kinh tế dựa nhiều vào đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) để tăng trưởng.* Trong khi Việt Nam vẫn dựa nhiều vào FDI để tăng trưởng thì việc thu hút FDI một cách dễ dàng và quản lý FDI thiếu chặt chẽ đã dẫn đến những tác động tiêu cực đối với kinh tế và xã hội. *Đầu tiên, ô nhiễm môi trường:* mặc dù những điều chỉnh luật đã hướng tới việc bảo vệ môi trường và khuyến khích chuyển giao công nghệ tiên tiến nhưng kết quả không có thay đổi nhiều. Từ năm 2000 đến 2005, tỷ lệ vốn FDI thực hiện tập trung vào các ngành có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường vẫn không thay đổi so với trước[4] Một số doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chưa tự giác trong việc tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường, chỉ vận hành hệ thống xử lý chất thải khi cơ quan chức năng quản lý môi trường phát hiện và xử phạt[5] Ngày càng có nhiều doanh nghiệp FDI xả chất thải chưa qua xử lý ra môi trường bị phát hiện[6] Điều này phần nào minh họa cho một thực tế, đó là tại Việt Nam đang tồn tại những dự án FDI kém hiệu quả, chủ đầu tư thiếu trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. *Tiếp đến, cạn kiệt tài nguyên:* khi đất đai ngày càng khan hiếm, một số địa phương đã "trải thảm đỏ đón nhà đầu tư" trên những diện tích hàng trăm, hàng nghìn ha nhưng không quan tâm đến tính hợp lý và các yêu cầu khác của đất nước, như an ninh lương thực – môi trường. *Cuối cùng, công nghệ tiêu tốn năng lượng, xả thải ra môi trường:* Khi sử dụng công nghệ lạc hậu, một mặt nó thường kém xử lý thải hơn và mặt khác nó sử dụng nhiều nhiên liệu hơn cũng ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường[7] *(vi) Nền kinh tế tiêu tốn nhiều năng lượng.* Do nền kinh tế tăng trưởng dựa chủ yếu vào sản phẩm thô, với sự đóng góp rất hạn chế về công nghệ, nên

---

[3] Tình trạng triển khai dự án chậm, hiệu quả đầu tư thấp góp phần gây ra tình trạng mất cân đối tiền – hàng. Tức là nhà đầu tư bỏ tiền ra mua sắm máy móc, trang thiết bị, nguyên vật liệu nhưng thời gian thực hiện quá lâu, không tạo ra sản phẩm tương ứng làm tăng cung tiền là một phần nguyên nhân lạm phát. Vài năm gần đây, Việt Nam đang phải đối mặt với lạm phát và có nguy cơ phá vỡ thế ổn định của nền kinh tế bấy lâu nay.

[4] Phùng Xuân Nhạ và cộng sự, 2010

[5] Theo Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường Trần Hồng Hà, "thống kê vào thời điểm 2009 trong số hơn 100 khu công nghiệp ở Việt Nam có đến 80% đang vi phạm các quy định về môi trường. Bộ Tài nguyên và môi trường đã đang và sẽ tổ chức nhiều đoàn thanh tra đi khắp các địa phương, lập danh sách đen các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng, có khả năng bị đóng cửa, trong đó sẽ đặc biệt chú ý đến các điểm nóng về môi trường hiện nay như sông Thị Vải, Khánh Hòa lưu vực sông Nhuệ, sông Đáy.

[6] Trường hợp Vedan xả nước thải chưa qua xử lý là một ví dụ điển hình (*Thời báo Kinh tế Việt Nam* ngày 21-5-2010). Tiếp đến là rất nhiều doanh nghiệp khác. Chẳng hạn, công ty Tung Kuang (tại Hải Dương) bị phát hiện vào 4-2010, công ty Long Tech ở KCN Quế Võ bị phát hiện xả chất thải chưa qua xử lý ra môi trường vào tháng 7-2011, v.v... Hay như trường hợp liên doanh Huyndai Vinashin đã sử dụng hạt nix dùng trong công nghệ đóng tàu từ nhiều năm nay, trong khi nhiều nước đã cấm công nghệ lạc hậu này khá lâu. Rồi Nhà máy điện Hiệp Phước lén lút chôn chất thải rất độc hại từ năm 1998 tới gần đây mới bị phát hiện. Có thể kể thêm những cái tên "đình đám" khác như vụ phát giác Công ty Miwon gây ô nhiễm môi trường nước.

[6] Tỷ trọng doanh nghiệp FDI có trang thiết bị/công trình xử lý ô nhiễm chỉ ở mức 20-21% (CIEM, 2009). Phân tích của các nhà nghiên cứu CIEM cho biết theo Báo cáo của Bộ Tài nguyên và môi trường đưa ra vào tháng 7/2008 thì có tới 80% các khu công nghiệp và các nhà máy xí nghiệp trên cả nước xả thẳng nước thải vào môi trường.

[7] Tỷ trọng doanh nghiệp FDI có trang thiết bị/công trình xử lý ô nhiễm chỉ ở mức 20-21% (CIEM, 2009). Phân tích của các nhà nghiên cứu CIEM cho biết theo Báo cáo của Bộ Tài nguyên và môi trường đưa ra vào tháng 7/2008 thì có tới 80% các khu công nghiệp và các nhà máy xí nghiệp trên cả nước xả thẳng nước thải vào môi trường.

nền kinh tế Việt Nam còn được đánh giá là tiêu tốn nhiều năng lượng, khai thác nhiều tài nguyên khoáng sản và đồng thời cũng thải ra môi trường nhiều chất độc hại do không xử lý thải hiệu quả. Việc phụ thuộc quá nhiều vào nguồn tài nguyên thiên nhiên và nguyên liệu thô sẽ khiến nền kinh tế kém bền vững.

Thứ hai, thể chế, hạ tầng kém phát triển: Hệ thống hạ tầng và thể chế kinh tế chưa đáp ứng được yêu cầu, vẫn còn theo sau đòi hỏi của thực tiễn, chưa hỗ trợ hiệu quả cho phát triển kinh tế xã hội. Quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp còn nhiều yếu kém, nhất là đối với doanh nghiệp nhà nước. Cơ chế thị trường được cải thiện, nhưng còn nhiều bất cập. Kết cấu hạ tầng không đồng bộ, các công trình xây dựng kéo dài, chậm đưa vào sử dụng. Thị trường khoa học công nghệ, thị trường lao động, thị trường bất động sản chậm phát triển.

Thứ ba, trình độ lao động chưa được cải thiện nhiều: mặc dù Việt Nam khá dồi dào về lao động nhưng trình độ lạo động yếu kém, tỷ lệ lao động qua đào tạo thấp. Trong khi đó, kỹ năng của người lao động không được cải thiện đáng kể, chưa tiếp cận được với công nghệ hiện đại do các nhà đầu tư (người sử dụng lao động) chưa có chiến lược đào tạo và nâng cao tay nghề cho người lao động một cách hiệu quả. Bên cạnh đó cũng phải kể đến sự yếu kém của hệ thống giáo dục Việt Nam, đặc biệt lĩnh vực dạy nghề.

Thứ tư, nguy cơ mắc "bẫy thu nhập trung bình"cao. Nghiên cứu quá trình phát triển của Hàn Quốc, Đài Loan với nền kinh tế ASEAN, nhà nghiên cứu kinh tế người Nhật Kenichi Ohno cho rằng các nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào luồng vốn FDI bên ngoài, phụ thuộc vào khai thác tài nguyên thiên nhiên thì trước sau cũng bị sa lầy. Để tránh tình trạng trên các nền kinh tế cần nỗ lực để tạo ra giá trị vốn con người, tính siêng năng, kỷ luật và sáng tạo[8] Việt Nam vừa gia nhập nhóm các nước có thu nhập trung bình. Để tránh rơi vào bẫy thu nhập trung bình, ngay từ bây giờ Việt Nam phải điều chỉnh chiến lược phát triển theo hướng giảm sự phụ thuộc vào nguyên liệu thô và đầu tư nước ngoài.

Nguyên nhân cơ bản của những hạn chế trên: những phân tích ở trên cho thấy nguyên nhân của những vấn đề trong nền kinh tế hiện nay bắt nguồn từ mô hình tăng trưởng của Việt Nam không còn phù hợp. Vấn đề hiện nay là mô hình tăng trưởng "*theo chiều rộng*" đã được áp dụng quá lâu. Mô hình tăng trưởng này có thể hoàn toàn phù hợp nếu đặt trong bối cảnh những năm của thập niên 1990. Tuy nhiên, nếu cứ kéo dài tiếp mô hình phát triển này thì nền kinh tế Việt Nam càng gặp nhiều bất cập khi Việt Nam đã bước vào nhóm các nước có thu nhập trung bình. Do đó, để duy trì tính bền vững trong phát triển cần phải thay đổi mô hình tăng trưởng. Tiếp đến là cơ chế chính sách, luật pháp chưa đồng bộ, còn chồng chéo và hiệu quả thực thi còn thấp, sự thiếu giám sát của cơ quan quản lý nhà nước và sự hạn chế năng lực cán bộ, cơ sở hạ tầng còn yếu kém, chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được nhu cầu.

Như vậy, để khắc phục những hạn chế đã phân tích, đưa nền kinh tế Việt Nam phát triển bền vững và chất lượng hơn, cần phải thực hiện chuyển đổi mô hình tăng trưởng, khắc phục những hạn chế về chính sách luật pháp, cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực v.v...

Mặt khác, cuộc khủng hoảng xảy ra năm 2008 là dịp để các nước nhìn nhận lại mô hình phát triển của mình. Đây cũng là dịp để các nước tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng phát triển bền vững. Trong khi đó, sự đe dọa của biến đổi khí hậu đã lên đến mức

[8] Để vượt qua bẫy thu nhập trung bình, 13/6/2010, http://www.thesaigontimes.vn/Home/diendan/ykien/35869/

cao nhất từ trước đến nay. Hai năm qua, thế giới đã chứng kiến ảnh hưởng nghiêm trọng của thiên tai mà bắt nguồn từ biến đổi khí hậu gây ra, khiến cho thế giới phải nhìn nhận vấn đề này nghiêm túc hơn. Vì vậy, xu hướng chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế của nhiều nước đều hướng tới phát triển gắn với bảo vệ môi trường. Điều này thể hiện ngay trong giai đoạn khủng hoảng khi nhiều nước dành khoản lớn trong gói kích thích kinh tế cho phát triển xanh và tích cực kêu gọi hợp tác trong phát triển xanh.

2. Hướng chuyển đổi mô hình tăng trưởng và tăng trưởng xanh

2.1. Hướng chuyển đổi mô hình tăng trưởng

Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XI (2011) đã thông qua Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011-2020 cho thấy mục tiêu phát triển kinh tế xã hội thập kỷ tới sẽ chú trọng vấn đề chất lượng tăng trưởng hay nói cách khác tăng trưởng theo chiều sâu và bền vững theo nghĩa không chạy theo số lượng và đảm bảo các cân đối vĩ mô để ổn định kinh tế về dài hạn. Điều quan trọng nhất mà Chiến lược phát triển 10 năm tới nêu ra là: *đổi mới mô hình tăng trưởng, đảm bảo hài hòa giữa phát triển theo chiều rộng và chiều sâu*. Tập trung phát triển những ngành có lợi thế cạnh tranh, có sử dụng công nghệ cao để từng bước nâng cao sức cạnh tranh của toàn bộ nền kinh tế, từng doanh nghiệp, sản phẩm. Để thực hiện thành công những mục tiêu đó, chiến lược lựa chọn 3 đột phá: xây dựng, hoàn thiện thể chế; phát triển nguồn nhân lực; phát triển cơ sở hạ tầng. Đây cũng chính là 3 điểm nghẽn, 3 nút thắt trong tăng trưởng hiện nay.

2.2. Định hướng tăng trưởng xanh

Trong giai đoạn cải cách phát triển vừa qua, Việt Nam đã tìm mọi cách để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà chưa thực sự chú ý đến phát triển bền vững cũng như phát triển xanh hoặc có những lúc, những chỗ Việt Nam đã đề cập đến yếu tố bảo vệ môi trường trong tăng trưởng kinh tế nhưng vẫn chưa được thực hiện tốt.

Với qui mô dân số gần 100 triệu dân vào năm 2020 và mục tiêu trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, nền kinh tế Việt Nam không còn là nền kinh tế nhỏ, nhu cầu tiêu thụ năng lượng cho sản xuất, giao thông vận tải và sinh hoạt sẽ rất lớn. Trước bối cảnh toàn cầu hiện nay, sự cạnh tranh nguồn lực khan hiếm càng khắc nghiệt, sự đe dọa do biến đổi khí hậu đã đỉnh điểm, quá trình phát triển trên toàn thế giới đều không thể tách rời việc giảm phát thải ra môi trường để bảo vệ trái đất cho thế hệ tương lai. Việc quản lý phát thải xấu đến môi trường và áp dụng công nghệ hiện đại để giảm tiêu hao nhiên liệu, sử dụng tiết kiệm, phát triển các nguồn năng lượng mới phải được thúc đẩy với những biện pháp mạnh ngay từ bây giờ, và Việt Nam không nằm ngoài tiến trình này.

Theo dự báo, Việt Nam còn là nước bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu. Khi nước biển dâng lên sẽ nhấn chìm nhiều vùng đất ở Việt Nam. Chính vì vậy, dù không đủ sức ngăn chặn sự thay đổi của khí hậu, Việt Nam cũng cần thể hiện là một hạt nhân trách nhiệm bằng cách chủ động trong phát triển nền kinh tế xanh và kêu gọi cộng đồng quốc tế cùng phát triển nền kinh tế xanh.

Vì vậy, yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế theo hướng phát triển theo chiều sâu, bền vững, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường được đặt ra như nhiệm vụ hàng đầu trong giai đoạn phát triển mới. Tăng trưởng xanh là một nội dung trọng yếu của phát triển bền vững. Tất cả những mục tiêu đặt ra trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam trong giai đoạn tới đều liên quan chặt chẽ với nội dung tăng

trưởng xanh. Tăng trưởng xanh đã được nhiều nước lựa chọn là chiến lược quốc gia trong phát triển kinh tế xã hội. Nó không chỉ đơn thuần là vấn đề giảm phát thải môi trường mà nó đã được hiểu rộng hơn. Đó là một mô hình phát triển mới với chất lượng tăng trưởng cao, cơ cấu sản xuất và tiêu dùng hiện đại bền vững và cải thiện đời sống của con người.

Đối với Việt Nam, tăng trưởng xanh là mấu chốt giải quyết những bất hợp lý trong mô hình tăng trưởng hiện nay. Bởi vì nó liên quan đến khả năng công nghệ hay mức độ "tinh" trong nền kinh tế. Khi Việt Nam có được những yếu tố này thì năng suất lao động sẽ cao và chất lượng tăng trưởng cao. Điều này cũng đồng nghĩa với việc kinh tế tăng trưởng cao và bền vững. Do đó, tăng trưởng xanh có vị trí rất quan trọng trong chiến lược tăng trưởng theo chiều sâu của Việt Nam thời gian tới. Nhiệm vụ của Việt Nam trước mắt sẽ phải giảm phát thải khí nhà kính, xanh hóa khu vực sản xuất, và xanh hóa tiêu dùng và trong đời sống./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Trường Giang và Phạm Sỹ An (2011), Chất lượng tăng trưởng kinh tế Việt Nam dưới góc độ hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế "Chất lượng tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2001-2010 và định hướng tới năm 2020"* do Trường đại học Kinh tế quốc dân, Ủy ban Kinh tế quốc hội và Viện Nghiên cứu chính sách quốc gia Nhật Bản tổ chức, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.

2. China and the United States—A Comparison of Green Energy Programs and Policies http://www.fas.org/sgp/crs/ row/R41287.pdf.

3. Đỗ Đức Bình (2011), "Một số ý kiến về định hướng chính sách nhằm thu hút FDI thực sự có hiệu quả vào Việt Nam giai đoạn 2011-2020", Tạp chí *Kinh tế và phát triển*, số 1/2011, tr.18.

4. Juillet 2011 La Stratégie pour une croissance verte Réorientation des travaux de l'OCDE dans les années à venir

5. Lê Quốc Hội (2011), "Tác động của FDI vào bất động sản và khai thác tài nguyên ở Việt Nam và Lào", Tạp chí *Những vấn đề Kinh tế và chính trị thế giới*, số 5.2011.

6. Nguyễn Thị Liên Hoa, Trần Phương Hồng Hạnh, Bùi Anh Chính (2009), Thu hút FDI "sạch" cho phát triển bền vững nền kinh tế Việt Nam, http://www.hids.hochiminhcity. gov.vn/Noisan/hoa122009.htm

7. Nguyễn Việt Hưng - Báo cáo trong *Kỷ yếu Hội thảo về Tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu và chính sách ở Việt Nam từ sau thời kỳ đổi mới*, 2008.

8. Phùng Xuân Nhạ và cộng sự (2010), *Điều chỉnh chính sách FDI ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr 241-242.

9. Nguyễn Xuân Trung (2011), Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng FDI tại Việt Nam, LATS, Học viện KHXH, Hà Nội.

10. Phạm Sỹ An (2011), Tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng phát triển bền vững, trong *Kỷ yếu Hội thảo 'Tái cấu trúc kinh tế và hướng tới phát triển xanh*", Viện KHXH Việt Nam, 29-11-2011.

11. Viện KHXH Việt Nam (2011), Kỷ yếu hội thảo "Hợp tác chia sẻ kinh nghiệm Việt Nam – Hàn Quốc về tăng trưởng xanh", Hà Nội ngày 12-12-2011.